

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>8.486.201.069.799</b>	<b>4.467.395.844.501</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		<b>3.527.309.847.926</b>	<b>1.838.619.478.462</b>
1. Tiền	111	VI.01	1.857.309.847.926	1.437.619.478.462
<i>Trong đó :</i>				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			1.651.395.624.250	1.220.193.211.104
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.670.000.000.000	401.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		<b>3.235.872.598.969</b>	<b>1.560.974.883.699</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	3.357.130.520.291	1.693.567.623.260
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(121.257.921.322)	(132.592.739.561)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		<b>1.701.471.637.445</b>	<b>1.063.757.995.727</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.09	1.425.030.018.831	914.256.741.795
2. Trả trước cho người bán	132	VI.11	5.323.692.062	8.066.208.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.09	219.070.682.965	1.446.438.742
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.09	52.957.743.587	140.899.107.090
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.12	(910.500.000)	(910.500.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		<b>21.546.985.459</b>	<b>4.043.486.613</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.392.406.898	2.420.803.153
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		49.628.407	54.592.720
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		15.104.950.154	1.568.090.740



Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN ( 200=210+220+240+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>2.605.892.084.404</b>	<b>3.237.677.670.239</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>137.041.666.411</b>	<b>135.295.186.898</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>VI.05</b>	19.360.507.136	19.578.812.231
<i>Nguyên giá</i>	222		82.473.258.041	79.165.295.599
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.112.750.905)	(59.586.483.368)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>VI.07</b>	117.676.495.275	115.716.374.667
<i>Nguyên giá</i>	228		160.938.099.336	156.735.350.526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(43.261.604.061)	(41.018.975.859)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		4.664.000	-
<b>III. Bất động sản tư</b>	<b>240</b>	<b>VI.06</b>	<b>256.531.802.332</b>	<b>260.803.573.480</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		283.612.736.520	283.612.736.520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(27.080.934.188)	(22.809.163.040)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.127.333.839.116</b>	<b>2.766.722.057.584</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>VI.03</b>	960.133.495.325	1.349.760.867.243
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		838.550.455.881	1.046.043.291.514
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		838.550.455.881	1.046.043.291.514
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>VI.02</b>	538.617.000.000	538.617.000.000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	<b>VI.02</b>	(209.967.112.090)	(167.699.101.173)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>84.984.776.545</b>	<b>74.856.852.277</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>VI.04</b>	469.941.633	481.906.824
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.364.659.906	50.719.770.447
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	<b>VI.08</b>	19.982.911.796	17.482.911.796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6.167.263.210	6.172.263.210
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>11.092.093.154.203</b>	<b>7.705.073.514.740</b>



Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>5.693.399.217.861</b>	<b>2.379.901.087.847</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.661.972.452.235</b>	<b>2.353.917.131.753</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	528.002.481.468	358.961.041.321
2. Phải trả người bán	312		520.295.580	1.440.928.363
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	70.870.900.417	150.871.433.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	75.423.489.920	35.762.708.305
5. Phải trả người lao động	315		2.757.374.881	19.911.720.419
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	27.583.640.842	8.429.411.455
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.17	2.585.192.352.903	539.245.630.861
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.16	1.905.323.544.304	1.137.144.645.197
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.18	360.963.024.151	11.152.796.929
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		606.457.160	605.427.160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		104.676.453.518	89.950.440.876
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		52.437.091	440.947.117
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.426.765.625</b>	<b>25.983.956.094</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		696.014.962	682.499.184
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		30.730.750.663	25.301.456.910
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>VI.19</b>	<b>5.315.684.441.262</b>	<b>5.242.182.121.978</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.315.684.441.262</b>	<b>5.242.182.121.978</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.537.949.420.000	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344.944.356.378	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		(4.282.421.300)	(5.358.122.972)
4. Cổ phiếu quỹ	414		(89.246.317.760)	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		372.998.887.930	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.153.320.516.013	1.118.079.667.080
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>83.009.495.081</b>	<b>82.990.304.915</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)</b>	<b>440</b>		<b>11.092.093.154.203</b>	<b>7.705.073.514.740</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		13.612.928.480.000	12.849.119.240.000
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>		<b>11.365.368.110.000</b>	<b>11.254.258.750.000</b>
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		593.477.180.000	816.277.140.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		9.474.074.070.000	8.975.656.080.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.297.816.860.000	1.462.325.530.000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>		<b>208.917.390.000</b>	<b>174.383.220.000</b>
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		199.046.590.000	173.838.220.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		9.870.800.000	545.000.000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
<b>6.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>		<b>1.471.565.170.000</b>	<b>865.812.190.000</b>
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		1.471.565.170.000	865.812.190.000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
<b>6.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>022</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
<b>6.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>		<b>548.548.050.000</b>	<b>545.665.500.000</b>
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		5.428.000.000	1.340.000.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		539.823.150.000	530.836.300.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		3.296.900.000	13.489.200.000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
<b>6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>032</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
<b>6.7 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>		<b>18.529.760.000</b>	<b>8.999.580.000</b>
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	1.570.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		18.273.270.000	8.718.520.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		256.490.000	279.490.000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-



Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>6.8 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay</b>	<b>042</b>		-	-
6.8.1 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán kỳ quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
<b>6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	<b>047</b>			
7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		1.205.345.140.000	860.405.510.000
<i>Trong đó:</i>				
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>		<b>1.023.026.570.000</b>	<b>761.941.870.000</b>
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		16.692.620.000	9.481.650.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		853.624.300.000	683.658.700.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		152.709.650.000	68.801.520.000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
<b>7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>056</b>		<b>148.800.330.000</b>	<b>64.922.200.000</b>
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1.000.000.000	1.000.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		60.377.350.000	63.922.200.000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		87.422.980.000	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
<b>7.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>061</b>		<b>32.348.240.000</b>	<b>32.580.440.000</b>
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		32.348.240.000	32.580.440.000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
<b>7.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>066</b>		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
<b>7.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>071</b>		<b>1.170.000.000</b>	<b>961.000.000</b>
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		1.170.000.000	961.000.000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
<b>7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>076</b>		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thuý



**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý 2 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3		4	5	6	7
1	Doanh thu	01		492.850.544.008	178.630.722.457	868.643.708.880	345.359.437.176
	<i>Trong đó:</i>						
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		67.884.897.394	35.725.796.414	144.289.838.836	69.613.510.678
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	VI.20	283.293.384.952	42.847.040.425	497.761.804.916	76.023.718.258
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		18.469.016	4.512.439	61.342.304	4.512.439
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ			1.639.569.728	833.506.017	1.787.172.488	951.594.699
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		8.811.581.115	5.627.665.887	11.065.648.720	7.737.219.148
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.251.692.735	1.649.367.617	2.595.785.755	2.764.859.691
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		1.801.721.583	2.108.841.056	4.157.131.074	4.147.077.263
	Doanh thu khác	01.9	VI.21	128.149.227.485	89.833.992.602	206.924.984.787	184.116.945.000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		492.850.544.008	178.630.722.457	868.643.708.880	345.359.437.176
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.22	149.501.384.736	110.954.184.397	245.896.506.852	175.251.430.105
	<i>Trong đó:</i>						
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1		104.463.052.648	109.125.513.558	215.124.644.174	234.537.772.111
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2		45.038.332.088	1.828.670.840	30.771.862.678	(59.286.342.006)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		343.349.159.272	67.676.538.060	622.747.202.028	170.108.007.071
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.23	3.423.398.155	3.175.539.397	6.438.053.316	5.663.278.575
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		339.925.761.117	64.500.998.663	616.309.148.712	164.444.728.496
8	Thu nhập khác	31	VI.24	1.187.459.605	16.647.937.616	2.417.210.798	33.007.751.519
9	Chi phí khác	32	VI.24	2.421.969	66.173.311	3.021.988	66.173.311
10	Lợi nhuận khác ( 40=31-32)	40		1.185.037.636	16.581.764.305	2.414.188.810	32.941.578.208
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	VI.03	7.517.850.151	29.477.701.856	(39.835.942.281)	100.860.605.389
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	50		348.628.648.905	110.560.464.824	578.887.395.241	298.246.912.093
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		65.785.683.689	13.301.259.509	124.691.640.551	50.657.065.439
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.762.893.214	1.391.496.008	(1.983.770.253)	(8.340.299.145)
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 70=60-61-62)	60		281.080.072.001	95.867.709.307	456.179.524.943	255.930.145.799
15.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		153.328.408	101.497.903	19.190.318	(326.020.164)
15.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		280.926.743.593	95.766.211.404	456.160.334.625	256.256.165.963
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người Lập Biểu


  
 Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

  
 Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2014  
 Tổng Giám Đốc

  
 Nguyễn Hồng Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010/TT-BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	578.887.395.242	298.246.912.093
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(282.960.941.963)	(188.575.890.649)
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.243.150.729	13.333.592.227
- Các khoản lập dự phòng	03	30.771.862.678	(59.286.342.006)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(326.143.371.155)	(145.125.252.116)
- Chi phí lãi vay	06	2.167.415.785	2.502.111.246
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	295.926.453.279	109.671.021.444
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(649.745.699.095)	96.244.661.577
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(1.662.576.897.031)	(100.986.687.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	2.739.143.668.688	1.150.389.276.291
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.959.638.554)	3.817.791.493
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.247.131.941)	(2.997.398.689)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(86.255.826.038)	(46.975.539.557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	27.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(26.024.204.300)	(13.430.732.080)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>604.287.725.008</b>	<b>1.195.732.393.043</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.724.673.036)	(7.185.524.420)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.000.000	918.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(61.530.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	303.194.472.326	70.218.106.711
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(553.275.633.571)	(163.881.328.035)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.059.234.814.620	180.705.523.996
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	108.995.522.970	90.972.650.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>915.425.503.309</b>	<b>110.217.610.601</b>





## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CHỈ TIÊU - 6 tháng năm 2014	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.537.949.420.000	-	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		344.944.356.378	-	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(5.358.122.972)	1.075.701.672	-	(4.282.421.300)
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.317.760)	-	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		335.813.119.252	37.185.768.678	-	372.998.887.930
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.118.079.667.080	456.392.160.013	421.151.311.080	1.153.320.516.013
<b>Cộng</b>		<b>5.242.182.121.978</b>	<b>494.653.630.364</b>	<b>421.151.311.080</b>	<b>5.315.684.441.262</b>

CHỈ TIÊU - 6 tháng năm 2013	Thuyết minh	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.526.117.420.000	11.832.000.000	-	3.537.949.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340.921.476.378	4.022.880.000	-	344.944.356.378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(2.605.677.770)	-	114.123.048	(2.719.800.818)
4. Cổ phiếu quỹ		(89.246.186.000)	(131.760)	-	(89.246.317.760)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289.383.181.436	46.429.937.816	-	335.813.119.252
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.127.002.833.821	256.256.165.959	426.967.966.810	956.291.032.970
<b>Cộng</b>		<b>5.191.573.047.865</b>	<b>318.540.852.015</b>	<b>427.082.089.858</b>	<b>5.083.031.810.021</b>

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2014

**CÔNG TY** Tổng Giám Đốc

**CỔ PHẦN**

**CHỨNG KHOÁN**

**SÀI GÒN**



Nguyễn Hồng Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư .

4. Tổng số nhân viên : 467

5. Công ty con :

Tại ngày 30/06/2014, Công ty có 3 công ty con được hợp nhất:

- Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.

+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư .

+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- Quỹ đầu tư thành viên SSI được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản

+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)

+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.) được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ

+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm

### 6. Công ty liên kết:

Tại ngày 30/06/2014 Công ty có 8 công ty liên kết gián tiếp được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

#### Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 208.472.602.086 đồng, chiếm 20,11% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 403.625.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch. Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý ký gởi hàng hóa; Dịch vụ tin học: tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính; Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

### **Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là 83.736.689.302 đồng, chiếm 25,70% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIL, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của GIL là 139.245.880.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ, Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc, Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.

### **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là 94.207.086.291 đồng, chiếm 20,13% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của SSC là 149.923.670.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, XNK giống cây trồng các loại, Sản xuất, kinh doanh, XNK nông sản, vật tư nông nghiệp, Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, XNK các loại máy móc thiết bị chế biến hạt giống và nông sản, Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

### **CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là 44.497.837.785 đồng, chiếm 20,02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của LAF và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/6/2012. Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của LAF là 147.280.190.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm chế biến từ hạt điều.

### **CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là 205.407.921.538 đồng, chiếm 20,01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ELC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ELC là 379.399.090.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị bảo trộm...

### **CTCP Transimex-Saigon (TMS):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Transimex-Saigon là 96.645.319.186 đồng, chiếm 20,00% số lượng cổ



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

phiếu đang lưu hành của TMS và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Transimex-Saigon là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của TMS là 230.738.240.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ. Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan. Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD. Kinh doanh vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.

### **CTCP Bibica (BBC):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Bibica là 51.491.751.919 đồng, chiếm 20,00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BBC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Bibica là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của BBC là 154.207.820.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo, xuất khẩu các sản phẩm bánh kẹo và các hàng hoá khác.

### **CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG):**

Tại thời điểm ngày 30/06/2014 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là 97.368.821.924 đồng, chiếm 20,06% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VFG và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của VFG là 132.827.530.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác. Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Cho thuê văn phòng, kho bãi. Dịch vụ chống mối mọt. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

7. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**  
Trong Quý 2.2014, Công ty đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Trung Ương (NSC) không còn là công ty liên kết của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất, và khoản đầu tư vào NSC sẽ được ghi nhận là 1 khoản đầu tư tài chính dài hạn..

### **Giải thích kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý 2/2014 so với cùng kỳ năm trước:**

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ quý 2/2014 là 280.926.743.593 đồng, tăng 193,35% so với quý 2/2013 (quý 2/2013 là 95.766.211.404 đồng) với lý do chủ yếu:

- Trong quý 2/2014, thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt và thanh khoản cao nên hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn của Công ty đạt kết quả khả quan với mức tăng 240.446.344.527 đồng (561.17%) so với cùng kỳ năm 2013

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty, cụ thể là được bao gồm trong các tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty vẫn đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau (theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/ 04/2013 của Bộ Tài chính):

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 năm
Bất động sản đầu tư	27,5 năm

#### 7. Thuê tài sản



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

*Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn*

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

*Dự phòng giảm giá chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa tại ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán và giá yết trên các tạp chí chứng khoán tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2014 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2014.

### 9. Đầu tư vào các công ty, trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể ( Công ty liên kết)

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

### 10. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phân chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

### 11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 13. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

### 15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

## 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

#### 17. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH****1. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Môi giới và dịch vụ khách hàng</i>	<i>Tự doanh</i>	<i>Kinh doanh nguồn vốn</i>	<i>Quản lý danh mục</i>	<i>Ngân hàng đầu tư và khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Quý 2 Năm 2014</b>						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	117.815.456.856	290.811.235.104	80.032.652.426	1.639.569.728	10.631.771.714	<b>500.930.685.828</b>
2. Các chi phí trực tiếp	18.177.487.287	54.769.713.724	41.426.389.933	475.143.820	529.733.659	<b>115.378.468.423</b>
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	22.135.351.136	3.630.571.020	2.587.504.532	4.486.470.854	4.083.670.958	<b>36.923.568.500</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>77.502.618.433</b>	<b>232.410.950.360</b>	<b>36.018.757.961</b>	<b>(3.322.044.946)</b>	<b>6.018.367.097</b>	<b>348.628.648.905</b>
<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014</i>						
1. Tài sản bộ phận	3.093.663.259.704	2.924.133.807.177	4.636.721.873.361	729.817.274	1.008.174.325	<b>10.656.256.931.841</b>
2. Tài sản phân bổ	127.674.525.642	8.918.441.129	2.346.958.192	15.489.924.067	10.796.007.683	<b>165.225.856.713</b>
3. Tài sản không phân bổ						<b>270.610.365.649</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.221.337.785.346</b>	<b>2.933.052.248.306</b>	<b>4.639.068.831.553</b>	<b>16.219.741.341</b>	<b>11.804.182.008</b>	<b>11.092.093.154.203</b>
1. Nợ phải trả bộ phận	1.920.457.405.044	65.631.060.544	3.123.735.940.305	382.620.205	6.609.952.470	<b>5.116.816.978.568</b>
2. Nợ phân bổ	85.445.674.136	5.968.631.649	1.570.692.539	10.366.570.759	7.225.185.681	<b>110.576.754.764</b>
3. Nợ không phân bổ						<b>466.005.484.529</b>
<b>Tổng công nợ</b>	<b>2.005.903.079.180</b>	<b>71.599.692.193</b>	<b>3.125.306.632.844</b>	<b>10.749.190.964</b>	<b>13.835.138.151</b>	<b>5.693.399.217.861</b>

**2. Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Công ty có một (01) công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSI IC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSI IC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2 đến 4%). Do đó, công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	126.366.995	177.407.310
Tiền gửi ngân hàng	1.857.183.480.931	1.437.442.071.152
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.651.395.624.250	1.220.193.211.104
Các khoản tương đương tiền	1.670.000.000.000	401.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.527.309.847.926</b>	<b>1.838.619.478.462</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kê toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>					
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>20.930.328</b>	<b>420.130.520.291</b>	-	<b>(121.257.921.322)</b>	<b>298.872.598.969</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	8.995.574	230.221.223.603		(58.608.742.151)	171.612.481.452
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	11.934.754	189.909.296.688		(62.649.179.171)	127.260.117.517
<i>Trái phiếu</i>	-	-		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	<b>2.937.000.000.000</b>	-	-	<b>2.937.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	2.937.000.000.000	-	-	2.937.000.000.000
<b>III. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>21.993.602</b>	<b>838.550.455.881</b>	-	<b>(35.428.112.089)</b>	<b>803.122.343.792</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	21.993.602	838.550.455.881	-	(35.428.112.089)	803.122.343.792
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	14.878.993	424.663.951.635		(7.322.382.599)	417.341.569.036
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.914.584	78.263.507.174		(28.105.729.490)	50.157.777.684
<i>Trái phiếu</i>	3.200.025	335.622.997.072		-	335.622.997.072
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>IV. Đầu tư góp vốn</b>	<b>34.771.210</b>	<b>960.133.495.325</b>	-	-	<b>960.133.495.325</b>
- Vốn góp liên doanh, liên kết	34.771.210	960.133.495.325	-	-	960.133.495.325
<b>V. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>11.766.999</b>	<b>538.617.000.000</b>		<b>(174.539.000.000)</b>	<b>364.078.000.000</b>
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(174.539.000.000)	364.078.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>					
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>32.529.777</b>	<b>644.567.623.260</b>	-	<b>(132.592.739.561)</b>	<b>511.974.883.699</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	12.725.664	379.014.488.551		(68.633.045.426)	310.381.443.125
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	19.804.113	265.553.134.709		(63.959.694.135)	201.593.440.574
<i>Trái phiếu</i>	-	-		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	<b>1.049.000.000.000</b>	-	-	<b>1.049.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.049.000.000.000	-	-	1.049.000.000.000
<b>III. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>21.527.767</b>	<b>1.046.043.291.514</b>	-	<b>(29.094.601.173)</b>	<b>1.016.948.690.341</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	21.527.767	1.046.043.291.514	-	(29.094.601.173)	1.016.948.690.341
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	11.497.527	334.490.654.119		(1.267.440.783)	333.223.213.336
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.850.215	78.263.507.167		(27.827.160.390)	50.436.346.777
<i>Trái phiếu</i>	6.180.025	633.289.130.228		-	633.289.130.228
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>IV. Đầu tư góp vốn</b>	<b>56.610.554</b>	<b>1.349.760.867.243</b>	-	-	<b>1.349.760.867.243</b>
- Vốn góp liên doanh, liên kết	56.610.554	1.349.760.867.243	-	-	1.349.760.867.243
<b>V. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>11.766.999</b>	<b>538.617.000.000</b>	-	<b>(138.604.500.000)</b>	<b>400.012.500.000</b>
- Đầu tư dài hạn khác	11.766.999	538.617.000.000	-	(138.604.500.000)	400.012.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:**

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
HVG	1.261.588	32.298.153.928	(2.650.835.929)	29.647.317.999
SVC	1.219.539	25.460.375.577	(6.801.428.878)	18.658.946.699
TMT	2.712.493	65.792.945.173	(45.720.483.641)	20.072.461.532
NSP	418.273	4.182.730.000	(2.760.601.800)	1.422.128.200
VNM	25.024	3.494.159.238	(441.231.238)	3.052.928.000
BHV	6.054	253.765.058	(231.365.258)	22.399.800
Cổ phiếu khác	219	16.811.406	(2.795.406)	14.016.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>5.643.190</b>	<b>131.498.940.380</b>	<b>(58.608.742.150)</b>	<b>72.890.198.229</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Phân Lân Văn Điện	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
Công ty CP đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.568.166</b>	<b>89.417.258.171</b>	<b>(62.649.179.171)</b>	<b>26.768.079.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.211.356</b>	<b>220.916.198.551</b>	<b>(121.257.921.322)</b>	<b>99.658.277.229</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
TMT	2.499.534	65.792.945.173	(53.295.228.241)	12.497.716.932
SVC	1.952.219	40.760.040.803	(11.476.755.804)	29.283.284.999
NSP	418.273	4.182.730.000	(3.513.493.200)	669.236.800
VNM	20.012	2.823.677.708	(122.057.707)	2.701.620.001
BHV	6.054	253.765.058	(222.284.258)	31.480.800
Cổ phiếu khác	105	4.708.516	(3.226.216)	1.482.300
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>4.896.197</b>	<b>113.817.867.258</b>	<b>(68.633.045.426)</b>	<b>45.184.821.832</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Tổng công ty Chăn Nuôi Việt Nam (VILICO)	7.650.000	77.265.000.000	(550.800.000)	76.714.200.000
Công ty CP Phân Lân nung chảy Văn điện VFMVF4	2.608.912	65.182.927.878	(44.311.631.878)	20.871.296.000
VFMVF4	2.470.000	21.648.504.963	(759.714.963)	20.888.790.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tự Tháp	260.118	4.284.711.000	(1.943.649.000)	2.341.062.000
Công ty CP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
Công ty CP Bất Động Sản Đại Nam	70.500	7.050.000.000	(7.050.000.000)	-
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>13.688.166</b>	<b>188.330.763.135</b>	<b>(63.959.694.135)</b>	<b>124.371.069.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.584.363</b>	<b>302.148.630.393</b>	<b>(132.592.739.561)</b>	<b>169.555.890.832</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
LAS	770.600	29.162.932.653	(2.500.172.653)	26.662.760.000
CNG	369.350	15.391.075.662	(2.057.540.662)	13.333.535.000
DPR	650.000	28.634.669.285	(2.764.669.285)	25.870.000.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.789.950</b>	<b>73.188.677.599</b>	<b>(7.322.382.599)</b>	<b>65.866.295.000</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.273.600.000)	926.400.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tin	629.900	6.654.826.400	(1.621.925.400)	5.032.901.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
- CTCP Đường Quảng Ngãi	386.215	11.801.020.000	(987.000.000)	10.814.020.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.214.584</b>	<b>56.980.507.174</b>	<b>(28.105.729.490)</b>	<b>28.874.777.684</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.004.534</b>	<b>130.169.184.773</b>	<b>(35.428.112.089)</b>	<b>94.741.072.684</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
PDN	1.134.734	38.486.638.584	(1.267.440.783)	37.219.197.801
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>1.134.734</b>	<b>38.486.638.584</b>	<b>(1.267.440.783)</b>	<b>37.219.197.801</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(14.100.800.000)	1.099.200.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tin	629.900	6.654.826.400	(1.483.977.300)	5.170.849.100
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.683.996.316)	8.315.991.684
- CTCP Đường Quảng Ngãi	321.846	11.801.020.000	(1.019.179.000)	10.781.841.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.150.215</b>	<b>56.980.507.174</b>	<b>(27.827.160.390)</b>	<b>29.153.346.784</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.284.949</b>	<b>95.467.145.758</b>	<b>(29.094.601.173)</b>	<b>66.372.544.585</b>

**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :**

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(174.539.000.000)	349.078.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.267.000</b>	<b>523.617.000.000</b>	<b>(174.539.000.000)</b>	<b>349.078.000.000</b>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(138.604.500.000)	385.012.500.000
<b>Cộng</b>	<b>10.267.000</b>	<b>523.617.000.000</b>	<b>(138.604.500.000)</b>	<b>385.012.500.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 3. Đầu tư vào công ty liên kết (đơn vị tính: VNĐ)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP Hùng Vương			453.519.495.731		
Công ty CP Xuyên Thái Bình	208.472.602.086	235.372.802.501	105.018.117.045	20.11%	20.00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	83.736.689.302	93.200.962.529	88.966.776.847	25.70%	25.66%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương			74.963.163.726		
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.207.086.291	84.942.371.742	83.214.486.850	20.13%	20.08%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.837.785	30.958.005.217	34.414.250.564	20.02%	20.00%
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	205.407.921.538	158.694.870.288	173.966.308.277	20.01%	20.01%
CTCP Transimex-Saigon	96.645.319.186	134.672.232.720	126.916.483.591	20.00%	20.00%
CTCP Bibica	51.491.751.919	100.528.229.007	97.046.443.515	20.00%	20.00%
CTCP Khử Trùng VN	97.368.821.924	121.764.021.320	111.735.341.098	20.06%	20.04%
<b>Cộng</b>	<b>881.828.030.032</b>	<b>960.133.495.325</b>	<b>1.349.760.867.243</b>		

Tại ngày 30/6/2014 tỷ lệ biểu quyết GIL của Công ty mẹ là 5,76%, uỷ thác qua công ty con SSIAM là 14,22%, hợp nhất theo tỉ lệ biểu quyết tại Quỹ Đầu tư SSIIMF là 0,17%, tổng tỷ lệ biểu quyết là 20,15% cổ phiếu lưu hành. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của GIL, phần cổ phiếu GIL do Công con của GIL mua lại được trình bày là cổ phiếu quỹ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty được tính lại thành 25,70% do số lượng cổ phiếu đang lưu hành giảm xuống khi trừ phần cổ phiếu Công ty con GIL mua lại theo cách trình bày của Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty trong 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

	Số tiền (VNĐ)
Số dư đầu kỳ	1.349.760.867.243
Mua trong kỳ	132.151.786.140
Thanh lý công ty liên kết trong kỳ	(467.561.939.672)
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ	(39.835.942.280)
Lợi thế thương mại đã phân bổ trong kỳ	(24.839.501.762)
Phân chia sẻ lãi/(lỗ) trong kỳ	(14.996.440.518)
Cổ tức thực nhận	(14.125.147.200)
Vốn khác	(256.128.906)
Số dư cuối kỳ	960.133.495.325

## 4. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	-	172.237.860
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	469.941.633	309.668.694
<b>Cộng</b>	<b>469.941.633</b>	<b>481.906.824</b>

## 5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.609.391.520	60.988.399.034	14.504.261.403	1.063.243.642	79.165.295.599
Tăng trong kỳ	-	3.416.946.284	-	93.500.000	3.510.446.284
Mua trong kỳ	-	3.416.946.284	-	93.500.000	3.510.446.284
Giảm trong năm	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	2.609.391.520	64.202.861.476	14.504.261.403	1.156.743.642	82.473.258.041
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	2.202.918.913	49.583.590.914	6.772.868.566	1.027.104.975	59.586.483.368
Tăng trong kỳ	224.634.576	2.751.887.335	745.453.470	6.775.998	3.728.751.379
Khấu hao	224.634.576	2.751.887.335	745.453.470	6.775.998	3.728.751.379
Giảm trong kỳ	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Bán thanh lý	-	(202.483.842)	-	-	(202.483.842)
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	2.427.553.489	52.132.994.407	7.518.322.036	1.033.880.973	63.112.750.905
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	406.472.607	11.404.808.120	7.731.392.837	36.138.667	19.578.812.231
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	181.838.031	12.069.867.069	6.985.939.367	122.862.669	19.360.507.136

## 6. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VNĐ)

Đây là giá trị các toà nhà (nhà và đất) mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

Khoản mục	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	283.612.736.520	283.612.736.520
Khấu hao	27.080.934.188	22.809.163.040
Giá trị còn lại	256.531.802.332	260.803.573.480



## 7. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	45.407.215.838	109.671.558.000	1.656.576.688	156.735.350.526
Tăng trong kỳ	3.815.748.810	-	387.000.000	4.202.748.810
Mua mới	3.815.748.810	-	387.000.000	4.202.748.810
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	49.222.964.648	109.671.558.000	2.043.576.688	160.938.099.336
<b>Hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	39.382.259.071	-	1.636.716.788	41.018.975.859
Tăng trong kỳ	2.174.974.345	-	67.653.857	2.242.628.202
Khấu hao	2.174.974.345	-	67.653.857	2.242.628.202
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	41.557.233.416	-	1.704.370.645	43.261.604.061
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.024.956.767	109.671.558.000	19.859.900	115.716.374.667
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	7.665.731.232	109.671.558.000	339.206.043	117.676.495.275

## 8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.960.535.062
Tiền lãi phân bổ hàng năm	6.022.376.734
<b>Cộng</b>	<b>19.982.911.796</b>

## 9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>1.425.030.018.831</b>	<b>914.256.741.795</b>
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch kỳ quỹ	1.254.771.813.627	647.585.181.717
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	164.665.944.612	260.694.246.604
- Phải thu phí tư vấn	1.918.674.325	1.701.845.703
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	729.817.275	611.388.379
- Phải thu khác	2.943.768.992	3.664.079.392
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>219.070.682.965</b>	<b>1.446.438.742</b>
- Phải thu sở giao dịch	218.788.032.040	1.261.428.480
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	282.650.925	185.010.262
<b>3. Phải thu khác</b>	<b>52.957.743.587</b>	<b>140.899.107.090</b>
- Phải thu tổ chức phát hành (trái tức, cổ tức)	20.075.687.150	48.191.823.117
- Lãi tiền gửi ngân hàng	29.721.873.364	4.519.633.260
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu, tiền cọc	-	85.300.000.000
- Phải thu khác	3.160.183.073	2.887.650.713

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

Nợ ngắn hạn	Số đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay thấu chi	358.961.041.321	4.097.549.175.426	3.928.507.735.279	528.002.481.468
<b>Cộng</b>	<b>358.961.041.321</b>	<b>4.097.549.175.426</b>	<b>3.928.507.735.279</b>	<b>528.002.481.468</b>

Chi tiết:

Nợ ngắn hạn	Số dư cuối kỳ	Số đầu năm
Vay thấu chi BIDV (*)	93.881.576.012	358.961.041.321
Vay thấu chi BVB (**)	434.120.905.456	-
<b>Cộng</b>	<b>528.002.481.468</b>	<b>358.961.041.321</b>

(\*) Khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi dao động từ 7.35% đến 7.4%

(\*\*) Khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Bảo Việt ("BVB") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi là 2.5%

**11. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	5.323.692.062	8.066.208.100

**12. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu	(910.500.000)	(910.500.000)
<b>cộng</b>	<b>(910.500.000)</b>	<b>(910.500.000)</b>

**13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK& NHLK	3.902.241.201	3.232.406.755
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán phải trả	2.166.156.522	1.325.286.667
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	-	600.000.000
Trích trước HĐ đặt cọc môi giới chứng khoán	15.924.232.531	153.056.593
Phí dịch vụ khác	280.015.000	637.196.818
Trích trước 1/2 chi phí lương tháng 13.2014	3.142.926.365	-
Phải trả khác	2.168.069.223	2.481.464.622
<b>Tổng Cộng</b>	<b>27.583.640.842</b>	<b>8.429.411.455</b>

**14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	5.861.500.417	4.862.033.750
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	65.009.400.000	146.009.400.000
<b>Cộng</b>	<b>70.870.900.417</b>	<b>150.871.433.750</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	296.183.957	222.307.832
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	65.845.187.048	26.987.387.074
Thuế Thu nhập cá nhân	1.456.932.608	2.567.776.741
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	5.378.005.280	4.384.951.982
Các loại thuế khác	2.447.181.027	1.600.284.676
<b>Cộng</b>	<b>75.423.489.920</b>	<b>35.762.708.305</b>

**Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 6 tháng đầu năm 2014:**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>578.887.395.242</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(61.868.990.135)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31.12.2013	(230.391.354.525)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 30.06.2014	265.293.908.661
- Hủy lỗ do thanh lý cổ phiếu công ty liên kết	(22.368.014)
- Lãi lỗ chưa thực hiện cty con - SSIAM- SSIIMF- SSIIC	(11.414.867.843)
- Lãi lỗ chưa thực hiện từ công ty liên kết	39.835.942.281
- Khoản hoàn nhập dự phòng từ công ty liên kết cho mục đích hợp nhất	(24.508.481.566)
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 22%</b>	<b>555.811.184.101</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp</i>	<i>122.278.460.502</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp - tại công ty con</i>	<i>2.413.180.049</i>
<b>Cộng thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2014</b>	<b>124.691.640.551</b>

**16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	263.453.064.200	94.665.215.100
Phải trả Sở GDCK HCM	686.054.061	7.575.285.755
Tiền gửi GDCK của NĐT	1.641.184.426.043	1.034.904.144.342
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.905.323.544.304</b>	<b>1.137.144.645.197</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	45.172.868	(668.055)
Phải trả hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán	176.000.000.000	414.006.180.000
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	25.131.709	50.767.329.469
Phải trả nhà đầu tư – khoản nhận ký quỹ ngắn hạn để thực hiện việc môi giới chứng khoán cho khách hàng	2.400.890.548.955	72.074.263.864
Các khoản khác	8.231.499.371	2.398.525.583
<b>Tổng Cộng</b>	<b>2.585.192.352.903</b>	<b>539.245.630.861</b>

**18. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	2.367.708.565	6.282.349.629
Phải trả cổ tức, trái tức cho cổ đông và trái chủ SSI	358.595.315.586	4.870.447.300
<b>Cộng</b>	<b>360.963.024.151</b>	<b>11.152.796.929</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)****19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>3.537.949.420.000</b>	<b>(5.358.122.972)</b>	<b>344.944.356.378</b>	<b>(89.246.317.760)</b>	<b>335.813.119.252</b>	<b>1.118.079.667.080</b>	<b>5.242.182.121.978</b>
Bổ sung thuế TNDN năm 2013 theo kê khai thuế	-	-	-	-	-	(190.160.071)	(190.160.071)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(5% LN sau thuế)	-	-	-	-	18.592.884.339	(18.592.884.339)	-
Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ (5% LN sau thuế)	-	-	-	-	18.592.884.339	(18.592.884.339)	-
Trích lập quỹ khen thưởng theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(3% LN sau thuế)	-	-	-	-	-	(11.155.730.603)	(11.155.730.603)
Trích lập quỹ phúc lợi theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	(13.592.884.339)	(13.592.884.339)
Trích lập quỹ từ thiện theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(1% LN sau thuế)	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012 theo nghị quyết 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ(10% mệnh giá)	-	-	-	-	-	(353.794.942.000)	(353.794.942.000)
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ	-	1.075.701.672	-	-	-	-	1.075.701.672
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 30.06.2014	-	-	-	-	-	456.160.334.624	456.160.334.624
<b>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014</b>	<b>3.537.949.420.000</b>	<b>(4.282.421.300)</b>	<b>344.944.356.378</b>	<b>(89.246.317.760)</b>	<b>372.998.887.930</b>	<b>1.153.320.516.013</b>	<b>5.315.684.441.262</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19.2 Cổ phiếu**

	<u>Ngày 30 tháng 06 năm 2014</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>
<b>Số lượng cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>353.794.942</b>	<b>353.794.942</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>353.794.942</b>	<b>353.794.942</b>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	353.794.942	353.794.942
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	353.794.942	353.794.942
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>(3.046.908)</b>	<b>(3.046.908)</b>
Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ	(3.046.908)	(3.046.908)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(3.046.908)	(3.046.908)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Cổ phiếu quỹ do công ty con của Công ty nắm giữ	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>350.748.034</b>	<b>350.748.034</b>
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	350.748.034	350.748.034
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2/2014	Quý 2/2013
Cổ tức	36.031.231.651	9.943.565.180
Trái tức	9.955.832.573	17.079.827.396
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	45.190.815.554	8.555.845.163
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	191.714.505.174	5.539.282.686
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	401.000.000	1.728.520.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>283.293.384.952</b>	<b>42.847.040.425</b>

**21. Chi tiết doanh thu khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2/2014	Quý 2/2013
Lãi tiền gửi	74.722.628.910	73.205.454.057
Doanh thu phí ứng trước	2.726.001.917	1.633.015.520
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	44.298.730.113	13.617.011.177
Doanh thu khác	6.401.866.545	1.378.511.848
<b>Tổng cộng</b>	<b>128.149.227.485</b>	<b>89.833.992.602</b>

**22. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 2/2014	Quý 2/2013
Chi phí môi giới chứng khoán	15.188.078.131	9.326.379.903
Chi phí tự doanh chứng khoán	9.731.381.636	2.373.895.259
Chi phí dự phòng	45.038.332.088	1.828.670.840
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	41.210.395.344	37.046.026.552
<i>Chi phí trả lãi tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>3.071.611.019</i>	<i>141.025.175</i>
<i>Chi phí lãi vay ngân hàng và mua bán lại trái phiếu chính phủ</i>	<i>850.086.670</i>	<i>3.646.227.598</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>37.288.697.655</i>	<i>33.258.773.779</i>
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	38.333.197.537	60.379.211.844
<i>Chi phí lương</i>	<i>26.476.468.930</i>	<i>27.896.689.259</i>
<i>Chi phí bảo hiểm các loại theo lương</i>	<i>2.162.241.322</i>	<i>1.789.642.568</i>
<i>Chi phí đào tạo, chi phí nhân viên khác</i>	<i>841.156.602</i>	<i>3.326.943.610</i>
<i>Hoàn nhập chi phí dự phòng quỹ lương</i>	<i>(17.000.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>1.023.361.063</i>	<i>607.065.538</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>5.011.867.908</i>	<i>6.546.780.776</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>7.953.614.289</i>	<i>6.654.584.762</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>11.113.577.468</i>	<i>13.072.886.126</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>750.909.955</i>	<i>484.619.205</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>149.501.384.736</b>	<b>110.954.184.398</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****23. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 2/2014</b>	<b>Quý 2/2013</b>
Chi phí nhân viên	2.937.435.924	2.824.933.147
Chi phí khấu hao và phân bổ	205.871.322	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.090.909	267.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.423.398.155</b>	<b>3.175.539.397</b>

**24. Thu nhập khác, chi phí khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Quý 2/2014</b>	<b>Quý 2/2013</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	918.181.818
Thu nhập từ lãi phạt thực hiện hợp đồng	562.291.668	15.200.000.000
Thu nhập khác	625.167.937	529.755.798
	<b>1.187.459.605</b>	<b>16.647.937.616</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	39.127.675
Chi phí khác	2.421.969	27.045.636
	<b>2.421.969</b>	<b>66.173.311</b>
	<b>1.185.037.636</b>	<b>16.581.764.305</b>

**25. Nghiệp vụ với các bên có liên quan trong quý 2/2014 (đơn vị tính: VNĐ)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị, công ty liên kết
Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre	Công ty con của Công ty CP Xuyên Thái Bình
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Công ty liên kết
CTCP Transimex-Saigon	Công ty liên kết
CTCP Bibica	Công ty liên kết
CTCP Khử Trùng VN	Công ty liên kết
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược
Ngân Hàng ANZ	Cổ đông chiến lược

**Các khoản phải thu :**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty liên quan	Số đầu quý phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý phải thu
<b>Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời</b>				
Góp vốn đầu tư	15.000.000.000			15.000.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước	-	616.136.859	616.136.859	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	75.000.000.000	120.000.000.000	195.000.000.000	-
Phạt hợp đồng	-	562.291.668	562.291.668	-
Lãi đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	384.909.755	384.909.755	-
Ứng trước tiền thuê văn phòng	-	2.000.000.000		2.000.000.000
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	-	5.417.706.300	5.235.237.900	182.468.400
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	10.800.702.000			10.800.702.000
<b>Cty TNHH NDH Việt Nam</b>				
Phí giao dịch chứng khoán và ứng trước tiền bán	-	503.885.910	503.885.910	-
Phí dịch vụ khác	-	2.275.384.717	2.275.384.717	-
<b>NH ANZ Việt Nam</b>				
Tiền gửi của nhà đầu tư	63.187.398	-	-	63.187.398
Tiền gửi của công ty	387.900.096	5.863.415.807	5.037.036.361	1.214.279.542
<b>Cty CP Xuyên Thái Bình</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	231.445.495.467	3.927.307.034		235.372.802.501
Phí giao dịch chứng khoán, ứng trước tiền bán chứng khoán	-	522.161.815	522.161.815	-
Phí hợp đồng tư vấn	-	4.356.000.000	4.356.000.000	-
<b>Cty CP SX-KD-XNK Bình Thạnh</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	88.720.237.784	3.304.036.807	66.237.700	91.958.036.891
<b>Cty CP Giồng cây trồng Trung ương</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	69.962.321.775		69.962.321.775	-
Phí giao dịch chứng khoán		564.318.926	564.318.926	
Phí quản lý danh mục		790.485.484	382.875.080	407.610.404
<b>Cty CP Giồng cây trồng Miền Nam</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	68.247.261.590	6.036.526.193		74.283.787.783
<b>Công ty CP chế biến hàng xuất khẩu Long An</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	23.370.153.094	68.934.284		23.439.087.378
<b>Cty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương tp HCM (Transimex-Saigon)</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	132.225.017.780	5.216.228.741	2.769.013.800	134.672.232.720
<b>Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	125.122.130.918	300.321.711		125.422.452.629
Ứng trước người bán	2.865.168.043		2.865.168.043	-
<b>Cty CP Bibica</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	99.279.166.851	1.249.062.156		100.528.229.007
<b>Cty CP Khử trùng Việt Nam</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	116.828.637.928	4.935.383.391		121.764.021.319

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Các khoản phải trả :**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
<b>Công ty CP Đầu Tư Đường Mặt Trời</b>				
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	1.400.000.000	70.300.000.000	70.950.000.000	750.000.000
Tiền thuê mặt bằng	-	7.031.648.250	7.031.648.250	-
<b>Cty CP Xuyên Thái Bình</b>				
Ứng mua chứng khoán	50.100.000.000			50.100.000.000
Ứng trước hợp đồng tư vấn	30.000.000		30.000.000	-
Đặt cọc môi giới CK	205.597.907.863	1.010.349.976.789	1.215.947.884.652	-
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	5.332.479.206	5.332.479.206	-
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	308.551.270	237.735.162	70.816.108
<b>Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông</b>				
Phí dịch vụ	-	1.277.913.161	1.277.913.161	-
<b>Cty CP Giống cây trồng Trung ương</b>				
Phí quản lý trả trước		382.875.000		382.875.000
Phí tư vấn	50.000.000			50.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc trong Quý 2/2014 là 2.490.180.000 đồng (bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

TPHCM, ngày 19 tháng 08 năm 2014

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TPHCM, ngày 19 tháng 08 năm 2014

P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam